

Bản án số: 36/2020/HS-ST
Ngày: 27 - 4 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ghên
2. Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Trịnh Minh T, sinh năm 1990, tại Long An;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Minh T1, sinh năm 1968 và bà Trương Thị S, sinh năm 1968; Có 01 người anh tên Trịnh Minh T2, sinh năm 1987; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị A, sinh năm 1988 và 03 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/12/2019 cho đến nay (có mặt).

- Người làm chứng:

1. Trần Thị Cẩm N, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

2. Nguyễn Văn B, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

3. Đoàn Quốc T, sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

4. Nguyễn Hoàng Nhi, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

5. Phan Minh Kha, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp S, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trịnh Minh T là người nghiện chất ma túy. Vào khoảng 22 giờ ngày 17 tháng 12 năm 2019, bị cáo Trịnh Minh T đi xe ôm đến ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An mua của người đàn ông tên Đ không rõ họ tên, địa chỉ 05 bịch nylon hàn kín chứa chất ma túy dạng đá bên trong, với giá 700.000 đồng để sử dụng. Sau đó, bị cáo T đi xe ôm về nhà nghỉ B thuộc ấp C, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An thuê phòng nghỉ số 04 để nghỉ lại. Đến khoảng 14 giờ 30 phút ngày 18/12/2019, thì có Đoàn Quốc T, Trần Thị Cẩm N, Nguyễn Văn B đến phòng trọ của bị cáo T chơi và rủ nhau cùng sử dụng ma túy. Lúc này, bị cáo T lấy một bình nổ đã chiết ra một ít ma túy đá mua vào ngày 17/12/2019 tại ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An để cùng sử dụng. Số ma túy còn lại bị cáo T cất giấu trong túi quần Jean bên phải đang mặc. Sử dụng được khoảng 30 phút thì bị lực lượng Công an huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, kiểm tra, phát hiện bắt quả tang bị cáo T cất giấu 05 bịch ma túy trong người.

Vật chứng thu giữ quả tang gồm có: 05 bịch nylon hàn kín bên trong chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy tổng hợp dạng đá, 01 bình nổ để dùng ma túy, 01 điện thoại di động hiệu VTREU, màu vàng, sim số 0973373413 của bị cáo Trịnh Minh T.

Tại kết luận giám định số 759/2019/KLGD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Long An, kết luận: tinh thể màu trắng đựng trong 05 bịch nylon hàn được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng là 0,8977 gam (Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Long An hoàn lại mẫu vật còn lại sau giám định một gói niêm phong có chứa chất ma túy loại Methamphetamine khối lượng 0,7315 gam).

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKSDH ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An truy tố bị cáo Trịnh Minh T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

Bị cáo Trịnh Minh T hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An phát biểu:

Lời khai nhận tội của bị cáo Trịnh Minh T phù hợp với lời khai của bị cáo, người làm chứng, phù hợp các chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định khoảng 15 giờ 00 ngày 18/12/2019, tại phòng trọ số 04 nhà nghỉ B thuộc ấp C, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An bị cáo Trịnh Minh T có hành vi tàng trữ 05 bịch ma túy chứa thành phần Methamphetamine, khối lượng là 0,8977 gam. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Trịnh Minh T theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Bị cáo là bộ đội xuất ngũ, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo Trịnh Minh T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; xử phạt bị cáo Trịnh Minh T mức hình phạt từ 01 năm 6 tháng đến 2 năm tù.

Về tang vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: một gói niêm phong có chứa chất ma túy loại Methamphetamine khối lượng 0,7315 gam của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Long An hoàn lại sau giám định; 01 bình nổ để sử dụng ma túy, sim

- Trả lại cho bị cáo Trịnh Minh T 01 (một) điện thoại di động hiệu VTRETU, màu vàng, sim số 0973373413.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trịnh Minh T không có thu lợi bất chính từ việc thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị không đề cập, xem xét.

Đối với người đàn ông tên Đ không rõ nhân thân lai lịch có hành vi bán trái phép chất ma túy cho bị cáo Trịnh Minh T tại khu vực ấp T, xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, do không xác định được nhân thân lai lịch của người

này và chỉ có lời khai duy nhất của bị cáo T, Cơ quan điều tra tiếp tục truy xét làm rõ xử lý sau nên đề nghị không xem xét.

Riêng đối với Đoàn Quốc T, Trần Thị Cẩm N, Nguyễn Văn B là người nghiện ma túy, có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 1 Nghị quyết số 33/2009/NQ-QH 12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội, Cơ quan CSĐT đã đề nghị Cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định pháp luật nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa, Điều tra viên, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt người làm chứng nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Lời khai nhận tội của bị cáo Trịnh Minh T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 18 tháng 12 năm 2019 cùng với bản kết luận giám định số 759/2019/KLGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Long An và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định:

Bị cáo Trịnh Minh T là người nghiện ma túy, khoảng 15 giờ 00 ngày 18/12/2019, tại phòng trọ số 04 nhà nghỉ B thuộc ấp C, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An lực lượng Công an huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, kiểm tra phát hiện bắt quả tang Trịnh Minh T có hành vi tàng trữ 05 bịch ma túy. Qua điều tra, bị cáo T khai nhận 05 bịch ma túy trên do bị cáo T mua tại khu vực ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An với giá 700.000 đồng. Kết quả giám định 05 bịch ma túy chứa chất ma túy bị cáo T cất giấu nêu trên để sử dụng có chứa thành phần Methamphetamine, khối lượng là 0,8977 gam.

Hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Trịnh Minh T theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này đã xâm hại trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây thiệt hại lớn về kinh tế, gây tổn hại sức khỏe con người, làm suy thoái nề giống, gây mất trật tự xã hội.

Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hậu quả nghiêm trọng của ma túy đối với xã hội và bản thân bị cáo. Bị cáo biết rõ ma túy là một trong những nguyên nhân của nhiều tội phạm khác, nhiều căn bệnh hiểm nghèo, bị nghiêm cấm vận chuyển, mua bán, tàng trữ dưới bất kỳ hình thức nào nhưng để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy, bị cáo vẫn bất chấp pháp luật thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo cần được xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự, có mức án phù hợp, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng trừng phạt, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Bị cáo là bộ đội xuất ngũ, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4]. Về tang vật chứng:

Căn cứ vào Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Đối với một gói niêm phong có chứa chất ma túy loại Methamphetamine khối lượng 0,7315 gam của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Long An hoàn lại sau giám định và 01 bình nổ để sử dụng ma túy nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu VTRETU, màu vàng, sim số 0973373413 thu giữ của bị cáo T, không có liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Trịnh Minh T.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trịnh Minh T không có thu lợi bất chính từ việc thực hiện hành vi phạm tội nên không đề cập, xem xét.

[6]. Đối với người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch có hành vi bán trái phép chất ma túy cho bị cáo Trịnh Minh T tại khu vực ấp T, xã M, huyện Đ tỉnh Long An, do không xác định được nhân thân lai lịch của người này và chỉ

có lời khai duy nhất của bị cáo T, Cơ quan điều tra tiếp tục truy xét làm rõ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Riêng đối với Đoàn Quốc T, Trần Thị Cẩm N, Nguyễn Văn B là người nghiện ma túy, có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 1 Nghị quyết số 33/2009/NQ-QH 12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội, Cơ quan CSĐT đã đề nghị Cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định pháp luật nên không đề cập, xem xét.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trịnh Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Trịnh Minh T** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Trịnh Minh T** 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2019.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo Trịnh Minh T 45 ngày sau khi tuyên án để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

2. Về tang vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: một gói niêm phong có chứa chất ma túy loại Methamphetamine khối lượng 0,7315 gam của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Long An hoàn lại sau giám định (theo kết luận giám định số 759/2019/KLGD ngày 26 tháng 12 năm 2019); 01 bình nổ để sử dụng ma túy.

- Trả lại cho bị cáo Trịnh Minh T 01 (một) điện thoại di động hiệu VTREU, màu vàng, sim số 0973373413.

Tang vật trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 62 – 09/3/2020 ngày 09 tháng 3 năm 2020.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trịnh Minh T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

4. Án xử sơ thẩm công khai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Thanh

